

BÀN THÊM VỀ ĐẶC ĐIỂM NGỮ PHÁP CỦA TỪ RỒI TRONG TIẾNG VIỆT

Lê Thị Cẩm Vân

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Email: lecamvandhsp@gmail.com

Ngày nhận bài: 13/3/2019; ngày hoàn thành phản biện: 22/4/2019; ngày duyệt đăng: 02/10/2019

TÓM TẮT

Trong bài báo này, trên cơ sở phân tích các mô tả về từ *rồi* trong chức năng phụ ngữ cho vị từ của các nhà nghiên cứu đi trước, chúng tôi trình bày quan điểm của mình về từ hữu quan. Chúng tôi biện luận cho việc sử dụng thuật ngữ phó từ cho tư cách từ loại của *rồi*, từ đó đi đến khẳng định *rồi* và *xong* thuộc các từ loại khác nhau. Bài báo chỉ ra hai trường hợp phân biệt của *rồi* ở chức năng phụ ngữ cho vị từ. Ở khả năng kết hợp của *rồi*, tác giả cho rằng không phải *rồi* có thể kết hợp với bất kì vị từ nào; *rồi* đứng sau danh ngữ trong các cấu trúc ổn định, kết hợp với đại từ định vị không gian gắn với hành động tìm kiếm vật thể, kết hợp với số từ trong cách nói hạn lệ về tuổi, ngày trong tháng hoặc khi tính đếm.

Từ khóa: Chức năng cú pháp, khả năng kết hợp, *Rồi*, tư cách từ loại.

1. DẪN NHẬP

Trong tiếng Việt, từ *rồi* được coi là xuất hiện với nhiều tư cách từ loại khác nhau gắn với các chức năng cú pháp khác biệt. Trong các nghiên cứu, Trần Kim Phụng, Trần Thị Quế Chi [9] và Phan Trang [13] gọi *rồi* là từ đa từ loại. Có thể lấy ví dụ cho các cách sử dụng của *rồi* theo mô tả của các công trình mà chúng tôi tham khảo được như sau:

- (1) *Sự đã rồi.*
- (2) *Tôi gặp anh ấy rồi./ Ông ấy lành bệnh rồi.*
- (3) *Ăn đã rồi hãy đi./ Con quét nhà rồi mới đi chơi đấy chứ.*
- (4) *đúng rồi, tất nhiên rồi, được rồi, phải rồi, nhất rồi, v.v...*

Với mỗi cách sử dụng, việc xác định từ loại cho *rồi* cũng không hoàn toàn thống nhất giữa các nhà nghiên cứu. *Rồi* ở (1) được Lê Biên [1], Nguyễn Tài Cẩn [2], Hoàng Phê [8], Trần Kim Phụng, Trần Thị Quế Chi [9], Nguyễn Kim Thản [11] xếp vào từ

loại động từ, Cao Xuân Hạo [4] gọi là vị từ¹; các tác giả đều cho rằng *rời* (1) đảm nhiệm chức năng vị ngữ trong câu. *Rời ở* (2) được phân định về mặt từ loại bằng nhiều thuật ngữ: phụ từ [1; 5], động từ [2], vị từ tình thái [3; 4], từ kèm [7], phó từ [8; 9; 10], trạng từ [13] và được xác định là phụ ngữ cho động từ, tính từ hay vị từ. *Rời ở* (3) được các tác giả thống nhất xếp vào liên từ, đảm nhiệm chức năng liên kết câu hoặc các vế, các thành phần câu. *Rời ở* (4) được coi là trợ từ [8], tình thái từ [9].

Trong bốn trường hợp sử dụng của *rời* trong tiếng Việt, có thể thấy tư cách từ loại của *rời ở* (2) được định danh bằng nhiều thuật ngữ nhất. Điều này một mặt cho thấy có sự khác biệt nhất định giữa các nhà Việt ngữ trong mô tả và phân định từ đang xét, mặt khác cho thấy tính phức tạp của đối tượng. Đây chính là một trong các yếu tố gọi mở chúng tôi thực hiện bài báo này; trên cơ sở phân tích, đánh giá những mô tả về *rời* của các tác giả đi trước, chúng tôi sẽ trình bày các quan sát của chúng tôi về đặc điểm của *rời*.

2. NỘI DUNG

Nhìn chung, từ *rời* mà chúng tôi đang đề cập được chú ý trong hai trường hợp nghiên cứu: 1. khi xem xét động từ và các hư từ theo sau động từ, 2. khi nghiên cứu về thì, thể trong tiếng Việt.

2.1. Về mặt từ loại, theo Lê Biên, Nguyễn Thị Ly Kha, *rời* (2) là phụ từ, đứng sau động từ, tính từ [1, tr.149; 5, tr. 62]. Khái niệm phụ từ trong quan niệm của Nguyễn Thị Ly Kha được hiểu rất rộng, bao gồm phụ từ cho danh từ và phụ từ cho động từ, tính từ. Nguyễn Kim Thân cho rằng *rời* là hư từ đặc biệt của động từ, được chuyển hoá từ động từ, thuộc từ loại phó từ, có đặc điểm ngữ pháp là bao giờ cũng phụ thuộc vào vị từ, hay những cấu trúc cú pháp đóng vai trò vị ngữ, không bao giờ làm thành phần chính trong cụm từ [11, tr. 72-74]². Cùng xếp *rời* vào phó từ là Hoàng Khê [8], Trần Kim

¹ Việc không thống nhất trong cách phân chia từ loại cho *rời ở* (1) là hệ quả của sự khác biệt trong quan niệm về có hay không sự tồn tại của từ loại động từ, tính từ trong tiếng Việt. Theo Cao Xuân Hạo, sự phân biệt giữa danh từ và vị từ hầu như có tính phổ quát trong khi sự phân biệt giữa *verbe* và *adjectif* (thuật ngữ tương ứng được dùng trong tiếng Việt là động từ và tính từ) chỉ là đặc trưng của tiếng Âu châu và một số ngôn ngữ khác có hình thái học. Ông coi “lịch sử du nhập của các thuật ngữ này vào ngữ pháp tiếng Việt là một loạt những sự ngộ nhận kết chuỗi và kéo dài vô tận” [4, tr. 254]. Ông chủ trương sử dụng thuật ngữ vị từ. Sự bác bỏ quyết liệt của ông đối với việc phân biệt động từ và tính từ trong tiếng Việt dựa trên sự kết hợp với chúng tự mà Lê Văn Lý là người đầu tiên thực hiện và còn được kế tục cho đến bây giờ được Nguyễn Thị Quy [10] và chính ông [4, tr.253, 257] kiểm chứng bằng thực tế thuyết phục.

² Chúng tôi nhận thấy Nguyễn Kim Thân mâu thuẫn khi xác lập *rời* là hư từ đặc biệt của động từ nhưng lại cho rằng đặc điểm ngữ pháp của nó là bao giờ cũng phụ thuộc vào vị từ hay những cấu trúc cú pháp đóng vai trò vị ngữ. Bởi lẽ, khái niệm vị từ bao gồm cả các đơn vị được gọi là tính từ và cấu trúc cú pháp đóng vai trò vị ngữ có thể do một tính từ làm yếu tố trung

Phượng, Trần Thị Quế Chi [9]. Đái Xuân Ninh [7] phân bố *rời* vào nhóm từ kèm. Thuật ngữ từ kèm mà Đái Xuân Ninh sử dụng có chung nội hàm khái niệm với thuật ngữ phụ từ của Nguyễn Thị Ly Kha. Phan Trang [13] xác định *rời* là trạng từ. Cao Xuân Hạo [3; 4]³ coi *rời* thuộc một loại vị từ, vị từ tình thái. Nguyễn Tài Cẩn cho *rời* là động từ [2].

Cao Xuân Hạo xếp *rời* vào vị từ tình thái, song vị trí cú pháp của nó trong câu không tương ứng với sự xác lập vị từ tình thái mà ông đưa ra: “vị từ tình thái bao giờ cũng đi với bộ ngữ trực tiếp của nó là một vị từ hay ngữ đoạn vị từ biểu hiện nội dung sự tình” [4, tr.550]. *Rời* ở cách dùng này khó có thể coi là động từ như quan niệm của Nguyễn Tài Cẩn, bởi lẽ nó không thoả mãn được các tiêu chí thường được sử dụng để phân chia từ loại động từ tiếng Việt: *rời* ở cách dùng này không biểu thị hoạt động, trạng thái vốn được coi là ý nghĩa phạm trù của động từ; không kết hợp được với các yếu tố như *đã*, *đang*, *sẽ*, *cũng*, *vẫn*, *v.v...* vốn được xác lập là thường xuất hiện trước động từ (như là chúng tôi); chỉ làm phụ ngữ, không làm yếu tố chính trong ngữ đoạn lớn hơn làm vị ngữ.

Các khái niệm phó từ, phụ từ, từ kèm, trạng từ mà các tác giả sử dụng thực chất chỉ khác nhau ở tên gọi, còn đối tượng mà các thuật ngữ này qui chiếu là giống nhau. Việc định danh *rời* bằng các thuật ngữ trên xác lập quan niệm về đặc điểm ngữ pháp của nó. Đứng sau động từ, tính từ hay vị từ để phụ nghĩa; phụ thuộc vào yếu tố mà nó bổ nghĩa; không làm trung tâm của ngữ đoạn mà nó là một yếu tố cấu thành⁴. Thuật ngữ phụ từ, từ kèm bao hàm trong nó cả các yếu tố là phụ từ, từ kèm của danh từ. Việc coi *rời* là trạng từ đồng nghĩa với việc cho rằng tiếng Việt có trạng từ. Tuy nhiên, khó để chứng minh được tư cách trạng từ ở một ngôn ngữ không biến hình như tiếng Việt, nơi mà các yếu tố tương đương với nhóm các trạng từ cách thức vốn được xác định là nhóm trạng từ điển mẫu phái sinh từ tính từ trong các ngôn ngữ biến hình [12, tr. 66] lại thường là “tính từ” hoặc một danh ngữ, chẳng hạn: *chạy vội vàng* (*vội vàng*

tâm, điều này có nghĩa là *rời* hoàn toàn có thể là hư từ của tính từ và thực tế tiếng Việt cho thấy *rời* kết hợp được với các đơn vị từ vựng được xếp vào tính từ, chẳng hạn như *đẹp rời*, *hông rời*, v.v.

³ Ở bài viết “Ý nghĩa hoàn tất trong tiếng Việt” [3], Cao Xuân Hạo dùng cả hai thuật ngữ vị từ và phó từ cho tư cách từ loại của *rời*. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng ông dùng thuật ngữ phó từ là theo mạch tranh biện với các quan niệm đã có trước đó về *rời*.

⁴ Trong tiếng Việt tồn tại một cách sử dụng của *rời* đi ra khỏi những mô tả này, đó là trong cách nói “*Học bài chưa con? – Rời ạ.*”. Lúc này, *rời* mang tiêu điểm thông tin và không xuất hiện cùng với động từ, tính từ ở trước. Tuy nhiên có thể coi đây là một lệ ngoại có thể giải thích: lúc này *rời* vẫn biểu thị ý nghĩa dĩ thành của sự tình “học bài”; trong cấu trúc hỏi đáp này, nó xác định tính thực hữu của sự tình (học bài) và hoàn toàn có thể tái lập “*học bài rời*” cho dù thực tế người Việt hiếm khi chọn một câu trả lời dài như vậy. Ngoài kết cấu này, *rời* không hiện diện mà không có một ngữ vị từ ở trước mà nó là thành tố bổ nghĩa.

là “tính từ”, vì hoàn toàn có thể nói *chạy vội vàng quá*, *chạy một cách vội vàng* (một cách vội vàng là một danh ngữ).

Từ những phân tích trên, chúng tôi lựa chọn coi rời là phó từ và hiểu phó từ là lớp từ ngữ pháp làm phụ ngữ cho vị từ.

2.2. Xem xét các mô tả về rời chúng tôi nhận thấy, bên cạnh những nhà nghiên cứu chủ trương rời và xong khác nhau ở khả năng kết hợp với các loại vị từ [3; 9; 13]⁵, biểu thị ý nghĩa thể [3] thì một số tác giả xếp rời vào cùng nhóm với xong [2; 6; 7; 9]. Trần Trọng Kim trong cuốn *Việt Nam văn phạm* nhận định “Khi người ta muốn biểu diễn một việc đã làm xong thì người ta dùng: Tiếng *đã* đặt trước tiếng động tự. Tiếng rời, xong đặt sau tiếng động tự. Tiếng *đã... rời, đã... xong, đã... xong rời* đặt trước và sau tiếng động từ [6, tr.120]. Nguyễn Tài Căn cho rằng *xong, rời* đều là động từ và là thành tố phụ ở phần cuối động ngữ⁶, chỉ sự hoàn thành [2, tr.277], là trạng tố của động từ [2, tr. 280, 287]. Đái Xuân Ninh [7] xếp rời vào nhóm c, loại c⁷ - loại “xong” – chỉ thể. Trần Kim Phượng, Trần Thị Quế Chi nhận định rời và xong đều là phó từ, chúng có những điểm giống nhau và khác nhau ở góc độ phạm trù thời, thể [9]; về khả năng biểu thị ý nghĩa thể, thực tế, các tác giả coi chúng là giống nhau khi nhận định “Phó từ *xong* bổ sung ý nghĩa hoàn thành, kết thúc cho vị từ đứng trước nó”, “Còn *rời* lại biểu thị ý nghĩa rất gần với phó từ *đã* – một chỉ tố của thời quá khứ, thể hoàn thành: đã diễn ra – ý nghĩa kết quả” [9]. Điều này có nghĩa là *xong* và *rời* được các tác giả [2; 6; 7; 9] nhìn nhận giống nhau về từ loại, vị trí cú pháp và chức năng biểu thị ý nghĩa thể.

Thoạt nhìn, có vẻ *xong* và *rời* “giống nhau”. Đái Xuân Ninh cho rằng “Với tư cách là bổ tố cho động từ chính, rời có thể thay thế cho *xong* trong nhiều trường hợp: a. *ăn cơm xong*/ b. *ăn cơm rời*; c. *làm bài xong*/ d. *làm bài rời*” [7, tr.144]. Tuy nhiên, có thể thấy rõ ý nghĩa của các ngữ đoạn có rời hoàn toàn khác với ý nghĩa của các ngữ đoạn

⁵ Cao Xuân Hạo cho rằng “rời (*đã... rời*) có thể dùng với bất cứ vị từ nào (dù là động hay tính, hữu đích hay vô đích, chủ ý hay không chủ ý) thì *xong* (*đã... xong, chưa... xong*) và các vị từ hoàn tất khác chỉ có thể dùng với vị từ [+động] [+hữu đích] [3, tr. 11]. Phan Trang phân biệt thêm rằng *xong* không kết hợp được với vị từ điểm tính [13, tr. 24]. Khác với *xong, rời* không thể xen giữa động từ và bổ ngữ trực tiếp [13, tr. 95]. Trần Kim Phượng, Trần Thị Quế Chi khẳng định rời có thể kết hợp hầu hết với các nhóm động từ trong khi *xong* chỉ có thể kết hợp với các động từ có nét nghĩa kết thúc [9].

⁶ Theo Nguyễn Tài Căn, động ngữ ở dạng đầy đủ nhất gồm ba phần: phần giữa dành cho trung tâm; phần đầu, phần cuối dành cho các thành tố phụ. Để biết rõ hơn phần phân tích của ông, xin xem [2, tr.247-302].

⁷ Đái Xuân Ninh [7] xác định bốn từ loại cơ bản trong tiếng Việt (danh từ, đại từ, động từ, tính từ) dựa trên câu bình thường tối thiểu hai từ đơn (kiểu *Tôi nói, Hoa nở, Sách hay*). Trên ngữ liệu câu ba từ đơn (ví dụ: *Mẹ sẽ về, Nó của xong*), ông xác lập các nhóm từ kèm, gồm ba nhóm: nhóm a: gồm a₁ – loại “con, cái”, a₂ – loại “một”, a₃ – loại “những”; nhóm b: gồm b₁ – loại “này”, b₂ – loại “nhất, nhì”, b₃ – loại “sẽ”, b₄ – loại “rất”; nhóm c: gồm c₁ – loại “lên”, c₂ – loại “xong”, c₃ – loại “lắm, nhiều”. Ông lấy đại diện tiêu biểu của mỗi nhóm để đặt tên cho nhóm.

có *xong*. Cao Xuân Hạo khẳng định *xong* biểu đạt ý nghĩa thể hoàn tất (completive) trong khi *rời* biểu thị ý nghĩa thể dĩ thành (perfect) [3]. Chúng tôi nhận thấy *rời* còn biểu thị tính thực hữu của sự tình (ngược lại với *chưa*) trong khi với *xong* sự đối lập thực hữu, phi thực hữu không tồn tại. Một cách dễ dàng nhận ra sự khác biệt ngữ nghĩa giữa *rời* và *xong* theo chúng tôi là đặt chúng trong tương quan với dạng thức phủ định: đối lập của *ăn xong* là *ăn chưa xong/ chưa ăn xong* trong khi đối lập của *ăn rời* lại là *chưa ăn*. Mặt khác, ở một cấu trúc mở rộng hơn (chẳng hạn *ăn xong rời*), có thể thấy rõ, *rời* có thể đứng sau *xong* bổ nghĩa cho *xong* trong khi khả năng ngược lại không tồn tại (không thể nói **ăn rời xong*). Do vậy, chúng tôi cho rằng khó có thể nói rằng *rời* thay thế cho *xong* trong trường hợp này. Mặt khác, *rời* khác hẳn *xong* về từ loại: như chúng tôi đã biện luận ở phần 2.1, *rời* đang xét không thể là động từ hay vị từ trong khi *xong*, như Cao Xuân Hạo đã chứng minh, vẫn mang thuộc tính của một vị từ [3, tr. 10] do kết hợp được với *đã, sắp, sẽ, mới, v.v.* Cùng với đó chúng tôi cho rằng, việc chưa phân định hai trường hợp khác biệt của *rời* như chúng tôi sẽ phân tích dưới đây là một trong các nguyên nhân đưa đến sự xác định thiếu chính xác về *rời* và *xong* của các tác giả trên.

Về vị trí xuất hiện của *rời* trong câu, chúng tôi nhận thấy các tác giả đi trước chưa chỉ ra hai trường hợp phân biệt của nó ở chức năng phụ ngữ cho vị từ. Một là, *rời* bổ nghĩa cho trung tâm của ngữ vị từ làm vị ngữ, ví dụ: (5) a. *Tôi làm rời*, b. *Tôi ăn rời*, tức tầm tác động của nó là vị từ trung tâm. Ngay cả khi sau trung tâm vị ngữ có ngữ đoạn danh từ làm bổ ngữ như (6) a. *làm bài rời*, b. *ăn cơm rời* thì tầm tác động này của *rời* cũng bao phủ lên yếu tố trung tâm. Hai là, *rời* bổ nghĩa cho yếu tố liền trước nó (do vị từ đảm nhiệm) mà cả nó và yếu tố này tạo thành một kết hợp bổ nghĩa cho trung tâm của vị ngữ, như trong trường hợp (7) a. *làm nhiều rời*, b. *ăn xong rời*. Lúc này *rời* chỉ có hiệu lực tác động tới yếu tố liền trước nó, không tác động đến trung tâm vị ngữ. So sánh (5) với (7) a. *làm nhiều rời*, b. *ăn xong rời* có thể thấy rõ điều đó. Trong khi (5) chỉ thuần túy biểu thị rằng hành động làm, hành động ăn đã dĩ thành thì (7) đặt sự tình trong diễn trình thời gian và đưa tâm điểm chú ý vào một thuộc tính của quá trình hành động, ở (7a) là thuộc tính hoàn tất, tính hoàn tất này được đánh dấu bằng chỉ tố *rời*, ở (7b) là thuộc tính về lượng, rằng hành động ăn đã tích lũy/ chuyển biến thuộc tính về lượng đạt đến mức độ *nhều*. Nên (5a, b) hàm chứa một đối lập là chưa làm, chưa ăn trong khi (7a, b) lại cho biết trước đó đã tồn tại một trạng thái là chưa nhiều hoặc chưa xong. Sự khác biệt về cú pháp và ngữ nghĩa giữa (5b) và (7b) có thể thấy rõ hơn qua việc đặt câu hỏi cho các câu hữu quan tương ứng. Với (5b) chỉ có thể hỏi (8) *Cậu ăn chưa?*, trong khi với (7b) câu hỏi phải là (9) *Cậu ăn xong chưa?*. Câu trả lời phủ định cho hai câu hỏi trên có thể đều là *Chưa*, nhưng với mỗi trường hợp người đối thoại sẽ nhận thức rất rõ với (8) là chưa ăn còn với (9) là chưa xong.

Như vậy, cùng với những phân tích về sự khác biệt giữa *rời* và *xong* của các tác giả đi trước, việc chỉ hai trường hợp phân biệt trong chức năng phụ ngữ cho vị từ của

rời của chúng tôi góp thêm một bằng cứ cho sự phân biệt dứt khoát giữa *rời* và *xong* trên bình diện cú pháp.

2.3. *Rời* thường được nhìn nhận là yếu tố bổ nghĩa cho động từ, tính từ hay vị từ [1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 11; 13]. Trần Kim Phụng, Trần Thị Quế Chi [9] bổ sung thêm rằng *rời* có thể đứng sau danh từ, đại từ định vị không gian, song không giải thích trường hợp nào thì khả năng này xuất hiện. Chúng tôi thấy rằng *rời* còn có thể đứng sau danh ngữ trong những cấu trúc ổn định và đứng sau số từ trong những trường hợp hạn chế.

Cao Xuân Hạo [3, tr.11], Phan Trang [13, tr. 24] cho rằng *rời* có thể kết hợp với bất cứ vị từ nào⁸. Tuy nhiên, có thể tìm thấy nhiều phản dẫn chứng cho nhận định này. Trần Kim Phụng, Trần Thị Quế Chi [9] dẫn ra trường hợp *rời* không kết hợp phía sau một số “động từ tâm trạng” như *trần trọc*, *băn khoăn* và một số “động từ tổng hợp” như *học hành*, *yêu đương*, *bàn tán*. Ngoài ra, còn có thể thêm vào danh sách này các vị từ chỉ tính khí như *ác*, *hiền*, *gan*, v.v... (có thể nói *ác quá rời đây*, tuy nhiên, *rời* lúc này bổ nghĩa cho *quá*, yếu tố biểu thị sự chuyển biến được đánh giá là vượt ngưỡng của thuộc tính ác, chứ không phải là bổ nghĩa cho *ác*); các từ tượng thanh, tượng hình⁹.

Ví dụ được các tác giả [9] đưa ra cho trường hợp *rời* đứng sau danh từ là *hai tháng rời*. Chúng tôi cho rằng xét về mặt kết hợp, *rời* kết hợp với danh ngữ *hai tháng* chứ không phải là kết hợp trực tiếp với danh từ *tháng*. Trong tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy, *rời* xuất hiện sau danh ngữ ở kết cấu mang tính ổn định (i) (*đã*) + *danh ngữ chỉ thời gian* + *rời* (bao gồm trong đó ví dụ *hai tháng rời* ở trên) làm trạng ngữ trong câu, chỉ khoảng thời gian đã trôi qua tính đến thời điểm phát ngôn và (ii) *Mới đó mà (đã)* + *danh ngữ chỉ thời gian* + *rời* chỉ sự đánh giá thời gian trôi nhanh¹⁰. Ví dụ: (10) *Đã năm năm rời tôi không gặp cô ấy, Chúng tôi làm ở đây hai tháng rời, Mới đó mà đã cuối tuần rời, Mới đó mà rằm tháng giêng rời*. Có thể nhận thấy là không phải mọi danh ngữ đều có thể xuất hiện trước *rời*. Theo quan sát của chúng tôi, xuất hiện được ở vị trí này chỉ có thể là các danh ngữ chỉ khoảng thời gian xác định có cấu tạo gồm lượng từ + danh ngữ chỉ đơn vị thời gian, ứng với trường hợp (i)¹¹ và các danh ngữ chỉ đơn vị thời gian có tính chu kỳ, đặt trong sự vận động lặp lại của chúng, nhất là các đơn vị thời gian gắn với các hoạt động

⁸ Ở đây các tác giả chỉ đề cập đến các vị từ ngôn liệu, đối lập với vị từ tình thái.

⁹ Các trường hợp trên có thể xuất hiện trước liên từ *rời*, chẳng hạn “*Băn khoăn rời cũng chẳng giải quyết được gì*.” Tuy nhiên điều này vượt khỏi phạm vi vấn đề mà bài báo của chúng tôi trình bày.

¹⁰ Ở cách nói *hôm rời*, *tuần rời* trong khẩu ngữ (thực tế là dạng rút gọn của *hôm vừa rời*, *tuần vừa rời*), *rời* là định ngữ hạn định cho *hôm*, tức nó trả lời cho câu hỏi *hôm nào* mà không phải là yếu tố xác định rằng khoảng thời gian được biểu đạt bằng danh ngữ ở phía trước là đã trôi qua tính đến thời điểm phát ngôn.

¹¹ Xuất hiện giữa *đã* và *rời* trong kết cấu này còn có thể là vị từ *lâu*, chỉ khoảng thời gian được đánh giá là dài, ví dụ: *Đã lâu lắm rời tôi không về quê*.

lao động, văn hoá như ngày, tuần, tháng, mùa, rằm, Tết, v.v..., ứng với trường hợp (ii). Ở trường hợp (i), thời gian do danh ngữ biểu đạt diễn ra trước thời điểm nói trong khi với trường hợp (ii), thời gian do danh ngữ biểu đạt giao với thời điểm nói.

Rồi kết hợp được phía sau với đại từ định vị không gian nhưng chỉ với hai trường hợp *đây* và *kia* (*đây rồi/ kia rồi*), các đại từ định vị không gian khác như *này*, *nọ*, *đó* không kết hợp với nó. Tương ứng, đại từ nghi vấn dùng để hỏi về vị trí của vật thể trong không gian cũng kết hợp được với *rồi*, ví dụ: (12) *Nó đâu rồi?. Đây rồi, kia rồi, đâu rồi* đều gắn với hành động tìm kiếm vật thể trong không gian. *Đây rồi, kia rồi* tiền giả định rằng trước đó người nói chưa nhìn thấy đối tượng, tại thời điểm nói mới thấy. Như vậy, khi kết hợp với các đại từ *đây, kia, rồi* cho thấy sự chuyển biến trong thời gian của hành động tìm kiếm, đánh dấu rằng hành động đã đạt kết quả và chấm dứt tại thời điểm nói.

Trong tiếng Việt, *rồi* kết hợp được với số từ trong cách nói khẩu ngữ về tuổi, ngày trong tháng hoặc khi tính đếm, chẳng hạn: (13) *Bốn mươi rồi mà vẫn chưa vợ con gì ông ạ./ Hôm nay hai chín rồi à?/ Năm rồi, thêm ba nữa là đủ*. Tuy nhiên, đó là cách nói rút gọn của *bốn mươi tuổi rồi, ngày hai chín rồi, năm cái/con, v.v... rồi*. Khi nói về tuổi, người nói kèm theo đánh giá là đã già. Khi nói về ngày tháng, đánh giá kèm theo là thời gian trôi nhanh. Khi tính đếm, đó là sự khẳng định đã đạt đến một số lượng nào đó trong tổng lượng dự định. Các ngữ đoạn này (số từ + *rồi*) giữ chức năng vị ngữ trong câu hoặc tiểu cú.

3. KẾT LUẬN

Như vậy, trong bài báo này, chúng tôi đã khái lược các quan điểm nghiên cứu của các tác giả đi trước về từ *rồi* và biện luận rằng *rồi* ở vị trí làm phụ ngữ sau vị từ không thể là động từ nếu chiếu theo các tiêu chí phân loại động từ vẫn được các nhà Việt ngữ học theo quan niệm có động từ, tính từ trong tiếng Việt sử dụng. Nó cũng không tương ứng với khái niệm vị từ tình thái để coi nó là vị từ tình thái. Việc coi *rồi* là trạng từ liên quan đến việc chứng minh sự tồn tại của từ loại trạng từ trong tiếng Việt, song có thể thấy tương ứng với nhóm trạng từ điển mẫu trong các ngôn ngữ có trạng từ lại thường là vị từ hoặc ngữ danh từ trong tiếng Việt. Vì vậy, chúng tôi chọn xếp *rồi* vào phó từ với cách hiểu phó từ là lớp từ ngữ pháp làm phụ ngữ cho vị từ. Từ đó, chúng tôi khẳng định *rồi* và *xong* khác nhau về từ loại.

Chúng tôi cũng chỉ ra hai trường hợp của *rồi* ở chức năng phụ ngữ cho vị từ: một là, *rồi* bổ nghĩa cho trung tâm của ngữ vị từ làm vị ngữ, có tâm tác động là vị từ trung tâm; hai là, *rồi* bổ nghĩa cho yếu tố liên trước nó mà cả nó và yếu tố này tạo thành một kết hợp bổ nghĩa cho trung tâm của vị ngữ. Sự phân biệt hai trường hợp

này của *rời* góp thêm bằng cứ cho sự phân biệt dứt khoát giữa *rời* và *xong* trên bình diện cú pháp.

Ở khả năng kết hợp của *rời*, chúng tôi chứng minh rằng không phải *rời* có thể kết hợp với bất kì vị từ nào. Về khả năng xuất hiện sau danh ngữ, *rời* đứng sau danh ngữ trong các cấu trúc ổn định: (i) *(đã) + danh ngữ chỉ thời gian + rời*, (ii) *Mới đó mà (đã) + danh ngữ chỉ thời gian + rời*. Chỉ các danh ngữ chỉ khoảng thời gian xác định có cấu tạo gồm lượng từ + danh ngữ chỉ đơn vị thời gian mới xuất hiện ở (i) và các danh ngữ chỉ đơn vị thời gian có tính chu kì, đặt trong sự vận động lặp lại của chúng mới xuất hiện ở (ii). *Rời* kết hợp với đại từ định vị không gian gắn với hành động tìm kiếm vật thể, cho thấy sự chuyển biến trong thời gian của hành động, đánh dấu rằng hành động đã đạt kết quả và chấm dứt tại thời điểm nói. *Rời* cũng kết hợp được với số từ trong cách nói hạn lệ về tuổi, ngày trong tháng hoặc khi tính đếm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê Biên (1993), *Từ loại tiếng Việt hiện đại*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Tài Cẩn (2004), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [3]. Cao Xuân Hạo (2000), “Ý nghĩa hoàn tất trong tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 5, tr.9-15.
- [4]. Cao Xuân Hạo (2003), *Tiếng Việt – Mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Thị Ly Kha (2010), *Giáo trình tiếng Việt II*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [6]. Trần Trọng Kim (1936, 2007), *Việt Nam văn phạm*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
- [7]. Đái Xuân Ninh (1978), *Hoạt động của từ tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8]. Hoàng Phê (chủ biên) (2007), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển học - Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [9]. Trần Kim Phụng, Trần Thị Quế Chi (2015), “Xong” và “rời” trong tiếng Việt từ góc nhìn ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng, *Kỷ yếu hội thảo Ngôn ngữ học toàn quốc*, Tp Hồ Chí Minh.
- [10]. Nguyễn Thị Quy (1995), *Vị từ hành động tiếng Việt và các tham tố của nó*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [11]. Nguyễn Kim Thản (1999), *Động từ trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [12]. Brown, Keith (ed.) (2005), *Encyclopedia of Language and Linguistics*, Elsevier press.
- [13]. Phan Trang (2013), *Syntax of Vietnamese Aspect*, Dissertation, Linguistics, University of Sheffield, Sheffield City, England.

STUDY ON THE GRAMMATICAL FEATURES OF THE WORD *RỒI* IN VIETNAMESE

Le Thi Cam Van

Faculty of Literature and Linguistics, University of Education, Hue University

Email: lecamvandhsp@gmail.com

ABSTRACT

In this paper, by analyzing the descriptions of the predecessors of *rồi* as a verbal object, we present our viewpoint on this word. We will argue for the word class of *rồi*, and then confirm that *rồi* is different from *xong* in the part of speech. In the syntactic aspect, we point out two distinct cases of *rồi* in the function of verbal object. At its cohesion, we think that *rồi* is impossible to combine with any verbs; *rồi* stands behind noun phrases in the stable structures, combines with spatial pronouns associated with the search of objects, combines with numerals in the expressions of age, date or counting.

Keywords: cohesion, *rồi*, syntactic function, word class.



Lê Thị Cẩm Vân sinh ngày 05/10/1984 tại Quảng Bình. Năm 2007, bà tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Ngữ văn tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế. Năm 2011, bà tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế. Năm 2018, bà tốt nghiệp cử nhân Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Từ năm 2007 đến nay, bà giảng dạy tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Ngôn ngữ học.

